

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

Bản án số:67/2018/DS-ST

Ngày 27/11/ 2018

V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Hoàng Mai
2. Ông Đỗ Trọng Ngoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích – Thư ký Tòa án nhân dân Tp.Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên: Không tham dự phiên tòa.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 147/2018/TLST–DS ngày 09 tháng 7 năm 2018 về việc: “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2018/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 106/2018/QĐST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Trần Nhật T, sinh năm 1980. (có mặt)

Nơi cư trú: ấp 3, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: ông Nguyễn Hòa B, sinh năm 1974. (vắng mặt)

Nơi cư trú: khóm H, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 28/6/2018 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Trần Nhật T trình bày:

Vào ngày 29/3/2017, ông Nguyễn Hòa B có vay mượn của ông số tiền 60.000.000đ (sáu triệu mười triệu đồng), với lãi suất thỏa thuận, thời gian vay là

06 tháng, ông B có làm biên nhận nợ cho ông ngày 29/3/2017. Việc vay tiền và nhận tiền chỉ có ông và ông B, không liên quan đến vợ ông B là bà Đặng Thị Tuyết L. Biên nhận trên là do ông B viết, ký tên và ông B có ghi vợ ông B là bà Đặng Thị Tuyết L vào trong biên nhận do ở mẫu có ghi cùng vợ hoặc chồng. Tuy nhiên ông xác định không có mặt bà L trong việc nhận số tiền đã vay và ngày viết biên nhận.

Sau đó ông B không giữ lời hứa, cũng không đóng lãi, không trả vốn cho ông, mặc dù ông có nhắc nhở và tạo điều kiện cho ông B trả nợ nhiều lần. Do đó, nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Hòa B có trách nhiệm trả cho ông số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) và lãi chậm trả theo quy định pháp luật được tính từ ngày 29/3/2017 cho đến ngày kết thúc vụ án.

Tại phiên tòa, ông T thay đổi ý kiến về yêu cầu tính lãi, ông xác định chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử tính lãi theo quy định pháp luật đối với số tiền 60.000.000đ từ ngày đến hạn trả nợ 29/9/2017 nhưng ông B không trả, cho đến ngày Tòa án xét xử.

* Bị đơn ông Nguyễn Hòa B không có văn bản trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Hòa B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Hòa B.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền vốn 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

Theo lời trình bày của ông T vì là chỗ quen biết bạn bè nên có cho ông Nguyễn Hòa B công tác tại Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh An Giang vay số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng). Ông B viết và ký tên theo mẫu biên nhận của ông đưa ông B thể hiện ngày 29/3/2017. Việc ông B có ghi vợ ông B là bà Đặng Thị Tuyết L vào trong biên nhận do ở mẫu có ghi cùng vợ hoặc chồng. Tuy nhiên ông xác định không có mặt bà L khi ông Bình nhận số tiền đã vay và ngày viết biên nhận, nên không liên quan đến bà L. Do đó, nay ông khởi kiện ông Nguyễn Hòa B yêu cầu có trách nhiệm trả cho ông số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

Xét thấy, ông Nguyễn Hòa B đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng qui định pháp luật, nhưng ông B không đến Tòa án và không cung cấp văn bản trình bày ý kiến xem như là đã tự từ bỏ quyền lợi của mình. Căn cứ theo biên nhận ngày 29/3/2017 thể hiện: Tôi tên Nguyễn Hòa B, sinh năm 1974 cùng vợ hoặc chồng Đặng Thị Tuyết L, sinh năm 1982; Đồng cư ngụ: Mỹ Thạnh, Tp.Long Xuyên, An Giang. Vợ chồng tôi có nhận của Trần Nhật T số tiền 60.000.000đ. Lý do mua xe thời hạn 06 tháng đến ngày 29/9/2017, và ông

B có ký tên, ghi họ tên phía dưới. Đồng thời, theo ông T không liên quan đến bà L (vợ ông B) do ông B chỉ điền tên vợ theo mẫu có sẵn. Điều đó cho thấy ông B có nhận vay của ông T số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng). Nay ông T cho rằng hết thời gian vay 06 tháng, ông B chưa thanh toán và khởi kiện yêu cầu ông B trả số tiền vốn 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì vậy, buộc ông Nguyễn Hòa B phải có trách nhiệm trả cho ông Trần Nhật T số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

[3] Về yêu cầu lãi suất:

Tại phiên tòa hôm nay, ông T xác định yêu cầu ông Bình trả tiền lãi theo lãi suất pháp luật qui định tính từ ngày 29/9/2017 cho đến ngày xét xử trên số tiền nợ vốn 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy, theo biên nhận ngày 29/3/2017 thể hiện là ông B vay số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) của ông T để mua xe và thời hạn 06 tháng đến ngày 29/9/2017. Ông T cho rằng khi cho vay có thỏa thuận trả lãi theo lãi suất tự thỏa thuận, nhưng ông T không đưa ra được chứng cứ chứng minh việc có thỏa thuận lãi suất khi cho ông B vay ngày 29/3/2017. Do đó, căn cứ vào biên nhận nợ ngày 29/3/2017, Hội đồng xét xử xác định đây là trường hợp vay có thời hạn không lãi. Tuy nhiên, do hết thời gian vay ngày 29/9/2017 ông B vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền vay, là đã gây thiệt hại cho ông T, nên nay ông T yêu cầu trả lãi theo lãi suất pháp luật quy định đối với số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) tính từ ngày 29/9/2017 – ngày vi phạm đến ngày xét xử, là phù hợp với qui định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi đối với số tiền vốn 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) kể từ ngày vi phạm 29/9/2017 đến ngày xét xử (ngày 27/11/2018) là 01 năm 01 tháng 29 ngày. Cụ thể như sau:

$60.000.000đ \times 01 \text{ năm } 01 \text{ tháng } 29 \text{ ngày} \times 10\%/năm = 6.983.000đ$ (sáu triệu, chín trăm tám mươi ba nghìn đồng).

Như vậy, tổng cộng tiền vốn và tiền lãi ông B có trách nhiệm trả cho ông T là: $60.000.000đ + 6.983.000đ = 66.983.000đ$ (sáu mươi sáu triệu, chín trăm tám mươi ba nghìn đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Nhật T được chấp nhận toàn bộ nên được nhận lại số tiền 1.500.000đ (một triệu, năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008847 ngày 09/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Ông Nguyễn Hòa B phải nộp số tiền 3.349.000đ (ba triệu, ba trăm bốn mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 463, khoản 1 và khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;
- Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Nhật T.

Buộc ông Nguyễn Hòa B có trách nhiệm trả cho anh Trần Nhật T số tiền 66.983.000đ (sáu mươi sáu triệu, chín trăm tám mươi ba nghìn đồng), trong đó tiền vốn 60.0000.0000đ (sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi 6.983.000đ (sáu triệu, chín trăm tám mươi ba nghìn đồng).

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Nhật T được nhận lại số tiền 1.500.000đ (một triệu, năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008847 ngày 09/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Tp.Long Xuyên.

Ông Nguyễn Hòa B phải nộp số tiền 3.349.000đ (ba triệu, ba trăm bốn mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ông Trần Nhật T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Hòa B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND.AG;
- VKSND.TPLX;
- THA TPLX;
- Đương sự “Đề thi hành”;
- Lưu hồ sơ ./..

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Minh Châu